

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 203/Sanest Foods-YSKH/2020

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa

SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HÒA

ĐẾN Số:.....1905.....
Ngày:.....22/5.....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa
Địa chỉ : 248 Thống Nhất, p. Phương Sơn, tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : + 84. 258. 3745192 Fax: + 84. 258. 3745620
E-mail : yensaokh@yensaokhanhhoa.com.vn
Mã số doanh nghiệp : 4200338918
Giấy chứng nhận : ISO 9001:2015 Số: 017-04005-Q, ngày cấp/ nơi cấp: 24/3/2020 do QMS cấp
: ISO 14001:2015 Số: 017-04005-E, ngày cấp/ nơi cấp: 24/3/2020 do QMS cấp
: HACCP Số: 017-04005-H, ngày cấp/ nơi cấp: 24/3/2020 do QMS cấp

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SỮA CHUA YÊN SÀO FUCOIDAN**

2. Thành phần:

-Nguyên liệu: Nước, Bột sữa gầy, Yên sào (2%), Fucoidan (0,05%), Phô mai, Đạm whey, Đường tinh luyện, Gelatin, Dầu bơ khan, Dextrose, Men vi sinh (*Streptococcus thermophilus*, *Lactobacillus bulgarius*), Hương tổng hợp (87B165).

- Phụ gia thực phẩm: Chất bảo quản (234) Chất nhũ hóa (1442).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 45 ngày, kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Màng phức hợp đảm bảo An toàn thực phẩm.

- Khay nhựa đảm bảo An toàn thực phẩm.

Khối lượng tịnh: 70 g/hộp, 100 g/hộp hoặc theo nhu cầu thị trường.

Quy cách bao gói: 24 hộp/thùng hoặc theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Nhà máy Thực phẩm Cao cấp Sanest Foods – Công ty Yên sào Khánh Hòa.

- Địa chỉ sản xuất: Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

100
100
100

100
100
100

1.1. Các chỉ tiêu hóa lý: Theo QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|-------------------|-------------|-------------|
| 1 | Hàm lượng protein | % KL | ≥ 2,7 |

1.2. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------------|-------------|------------|
| 1 | Hàm lượng Chì (Pb) | mg/kg | 0,02 |

1.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Theo QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 1 | Aflatoxin M1 | µg/kg | 0,5 |

1.4. Dư lượng thuốc thú y: Theo QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--|-------------|------------|
| 1 | Benzylpenicilin/ Procain benzylpenicilin | µg/kg | 4 |
| 2 | Clortetracyclin/Oxytetracyclin/Tetracyclin | µg/kg | 100 |
| 3 | Dihydrostreptomycin/Streptomycin | µg/kg | 200 |
| 4 | Gentamicin | µg/kg | 200 |
| 5 | Spiramycin | µg/kg | 200 |

1.5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Theo QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------------|-------------|------------|
| 1 | Endosulfan | mg/kg | 0,01 |
| 2 | Aldrin và Dieldrin | mg/kg | 0,006 |
| 3 | Cyfluthrin | mg/kg | 0,04 |
| 4 | DDT | mg/kg | 0,02 |

1.7. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|------------------|-------------|------------|
| 1 | L. monocytogenes | CFU/g | 100 |



1.8. Phụ gia thực phẩm: Theo Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------|
| 1 | Nisin (234) | mg/kg | 12,5 |
| 2 | Hydroxypropyl DistarchPhosphat (1442) | mg/kg | GMP |

1.9. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Theo TCCS: Tiêu chuẩn cơ sở

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|-----------------------------|-------------|-------------|
| 1 | Hàm lượng chất béo | % | 0,5 – 1 |
| 2 | Hàm lượng Carbohydrate tổng | % | 10 – 22 |
| 3 | Hàm lượng Protein | % | 3 – 7 |
| 4 | Hàm lượng Canxi | mg/100g | 150 – 250 |
| 5 | Năng lượng | Kcal/100g | 60 – 120 |

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2020

CÔNG TY YẾN SÀO KHÁNH HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Hùng





MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Nội dung ghi nhãn:

1. Tên thực phẩm: SỮA CHUA YẾN SÀO FUCOIDAN

2. Thành phần: Nước, Bột sữa gầy, Yến sào (2%), Fucoidan (0,05%), Phô mai, Đạm whey, Đường tinh luyện, Gelatin, Dầu bơ khan, Dextrose, Men vi sinh (*Streptococcus thermophilus*, *Lactobacillus bulgarius*), Hương tổng hợp (87B165), Chất bảo quản (234), Chất nhũ hóa (1442).

Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần dinh dưỡng trung bình trong 70 g

| | |
|----------------------------|---------|
| Năng lượng/ Energy | 70 Kcal |
| Chất béo/ Fat | 0,5 g |
| Carbohydrate/ Carbohydrate | 12 g |
| Chất đạm/ Protein | 4 g |
| Canxi/ Calcium | 140 mg |

3. Khối lượng tịnh: 70 g/hộp, 280 g (4 hộp x 70 g) hoặc theo nhu cầu thị trường.

4. Ngày sản xuất, hạn sử dụng: Xem trên bao bì.

5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sử dụng ngay khi mở bao bì.
- Bảo quản lạnh ở 2⁰C – 8⁰C.

6. Sản xuất tại:

- Nhà máy Thực phẩm Cao cấp Sanest Foods – Công ty Yến sào Khánh Hòa.
- Địa chỉ sản xuất: Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Điện thoại: + 84. 258. 3745192 Fax: + 84. 258. 3745620
- Số CB: 203/Sanest Foods-YSKH/2020

Sản phẩm của Công ty Yến sào Khánh Hòa

Sản phẩm của Sanest Foods

Trung tâm dịch vụ khách hàng: + 84. 258. 3818222

CÔNG TY YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ trụ sở : 248 Thống Nhất, p. Phương Sơn, tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : + 84. 258. 3822472 Fax: + 84. 258. 3829267
Email : yensaokh@yensaokhanhhoa.com.vn
Website : www.yensaokhanhhoa.com.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00031338
 Mã số kết quả: AR-20-VD-034456-01 / EUVNHC-00098589

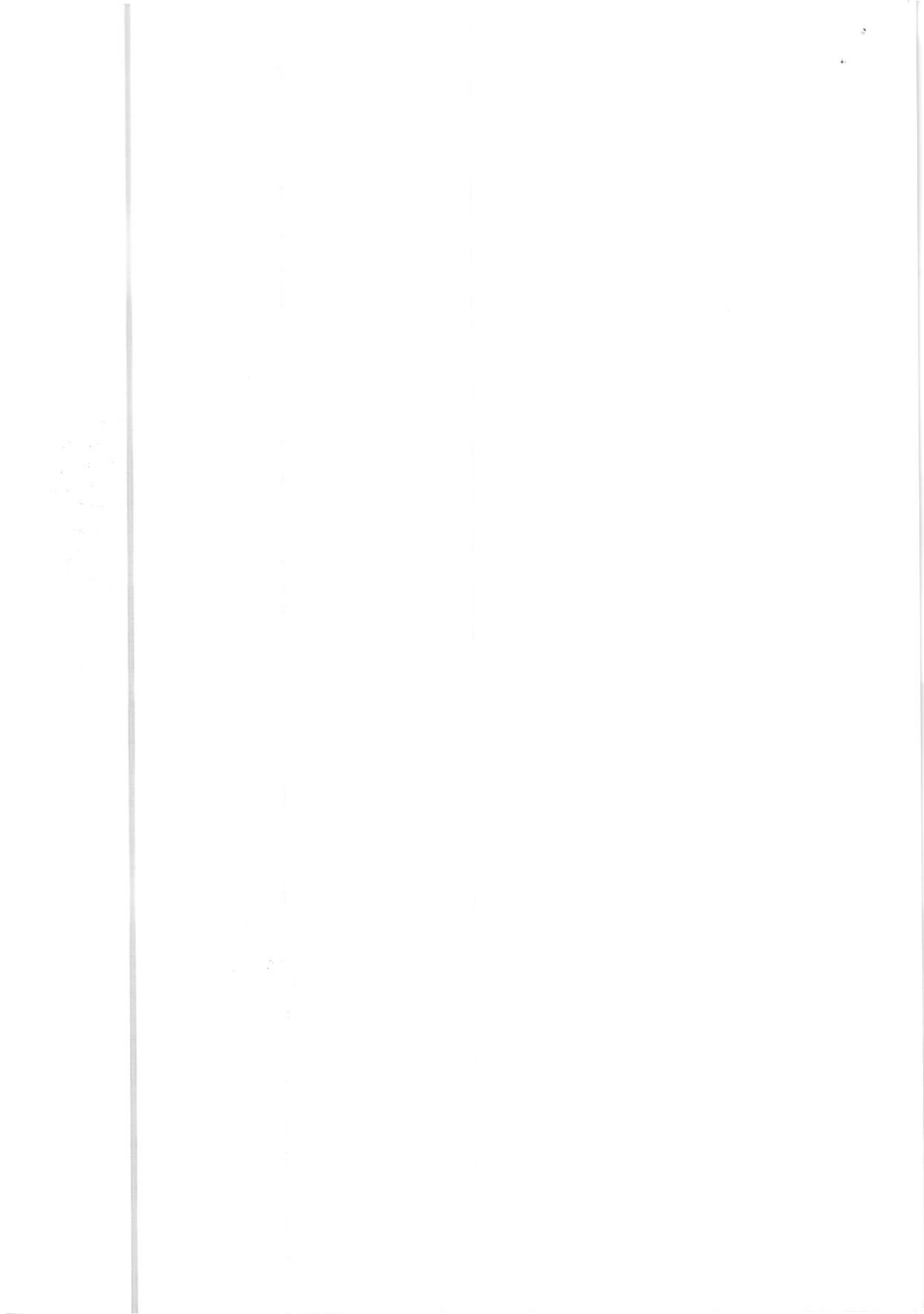


Công Ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên YẾN SÀO
 Khánh Hòa
 248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn
 Thành phố Nha Trang
 Tỉnh Khánh Hòa
 Việt Nam



Tên mẫu: Sữa chua Yến Sào Fucoidan
 Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm
 Ngày nhận mẫu: 15/04/2020
 Thời gian thử nghiệm: 15/04/2020 - 20/04/2020
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 22/04/2020
 Mã số PO của khách hàng: ZG4L200415081

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|---|------------|--|-----------------------------|
| 1 | VD389 VD (a)(f) <i>Listeria monocytogenes</i> | cfu/g | ISO 11290-2:2017 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 2 | VD129 VD Carbohydrates | % | AOAC 986.25 mod. | 16.7 |
| 3 | VD164 VD (a)(f) Béo | % | TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008) | 0.68 |
| 4 | VD262 VD (a)(f) Protein | % | TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014) | 5.18 |
| 5 | VD543 VD Năng lượng | kcal/100 g | FAO 2013 77 | 94 |
| 6 | VDVDD VD Vitamin D | µg/100 g | Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0185) (Tính toán) | Không phát hiện (LOD=0.2) |
| 7 | VD210 VD (a)(f) Độ ẩm | % | Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048) | 76.4 |
| 8 | VD297 VD (a)(f) Tro tổng | % | Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) ((Ref. FAO Food 14/7-1986)) | 1.07 |
| 9 | VD126 VD (a)(f) Canxi (Ca) | mg/100 g | TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007) | 199 |
| 10 | VD30B VD (a)(f) Natri benzoat | mg/kg | ISO 22855:2008 mod | Phát hiện vết (<30) |
| 11 | VD860 VD (a) Chì (Pb) | mg/kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.003) |
| 12 | VD640 VD (a) Aflatoxin M1 | µg/kg | ISO 14501:2007 mod | Không phát hiện (LOD=0.01) |
| 13 | VD572 VD Aldrin | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.002) |
| 14 | VD572 VD Cyfluthrin | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.01) |



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|-----------------------------------|--------|--|-----------------------------|
| 15 | VD572 VD DDT | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.005) |
| 16 | VD572 VD Dieldrin | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.002) |
| 17 | VD572 VD Endosulfan (Tổng) | mg/kg | AOAC 2007.01 mod | Không phát hiện (LOD=0.003) |
| 18 | VD559 VD Benzylpeniciline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=3) |
| 19 | VD559 VD Chlortetracycline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=100) |
| 20 | VD559 VD Dihydro-streptomycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=70) |
| 21 | VD559 VD Gentamicin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=20) |
| 22 | VD559 VD Oxytetracycline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=100) |
| 23 | VD559 VD Procain Benzylpeniciline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=3) |
| 24 | VD559 VD Spiramycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=200) |
| 25 | VD559 VD Streptomycin | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=70) |
| 26 | VD559 VD Tetracycline | µg/kg | TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006) | Không phát hiện (LOD=100) |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vy
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

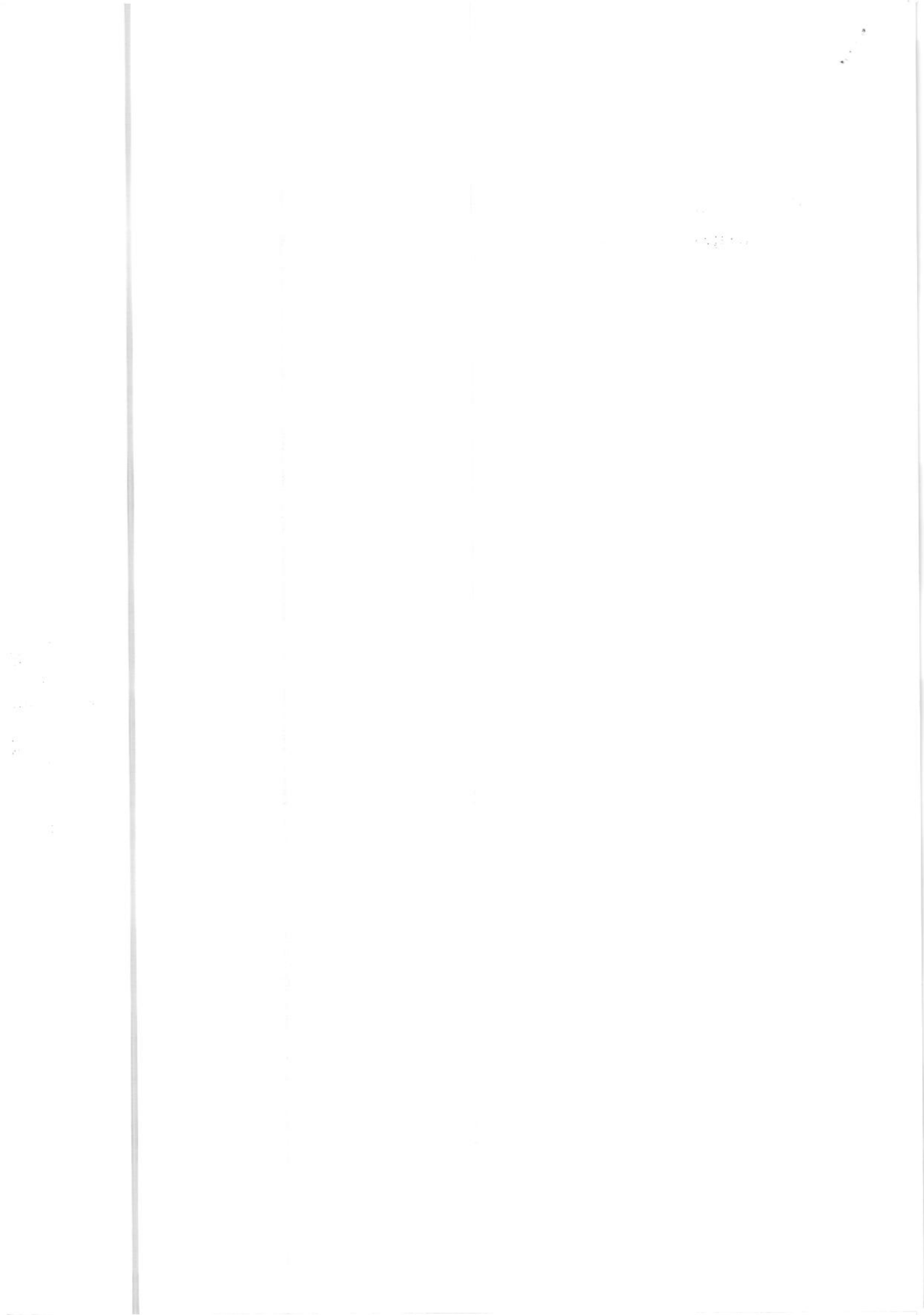


Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vy 22/04/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế



| | | |
|---|------|-----------|
| Sodium | - | - |
| Total Carbohydrate | 12g | 4% |
| Dietary Fiber | - | - |
| Total Sugars | - | - |
| Includes - Added Sugars | - | - |
| Protein | 4g | |
| Vitamin D | 0mcg | 0% |
| Calcium | 10mg | 2% |
| Iron | - | - |
| Potassium | - | - |
| * The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice. | | |

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành.
 Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED
 Lot E2b-3, Street D6, SaiGon High-Tech Park, District 9, HCMC
 Reception office: Floor M, 141 Nguyen Du, District 1, HCMC
 Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, HaNoi
 Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City

Web : www.eurofins.vn
 Phone : (84.28) 7107 7879
 Email : VN01_ASM_HCMC@eurofins.com

Document number : EVN-P-AR-FO3559
 Version : 05
 Effective date : 01/08/2019



Sac Ky Hai Dang



Mã số mẫu/Sample code Nr.: 743-2020-00031338

Mã số kết quả/ Analytical Report Nr.: AR-20-VD-034456-01/ EUVNHC-00098589

Nutrition Facts

servings per container

Serving size

70g

Amount Per Serving

Calories

70

% Daily Value *

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4200338918

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 11 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 24 tháng 05 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN YÊN SÀO KHÁNH HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA SALANGANES NEST COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY YÊN SÀO KHÁNH HÒA

2. Địa chỉ trụ sở chính

248 Thống Nhất, Phường Phương Sơn, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0258. 3822472

Fax: 0258. 3829267

Email: yensaokh@yensaokhanhhoa.com.vn Website: www.yensaokhanhhoa.com.vn

3. Vốn điều lệ 949.101.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi chín tỷ một trăm lẻ một triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Trần Phú, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ HỮU HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 01/08/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 220683900

Ngày cấp: 01/07/2011 Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 101 Chung cư A, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 114 Hoàng Văn Thụ, Phường Phương Sơn, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam



Nguồn Chi, Như Hương



Phạm Thị Phương Thảo

Handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature or a note.

Handwritten scribbles or lines at the bottom of the page.



GIẤY CHỨNG NHẬN

Mã số: 017-04005 H

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

NHÀ MÁY THỰC PHẨM CAO CẤP SANEST FOODS

địa chỉ

Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

đã được đánh giá bởi các đánh giá viên của QMS Certification Services và chứng nhận phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn:

Codex Alimentarius - HACCP
Nguyên tắc an toàn thực phẩm

áp dụng cho các lĩnh vực hoạt động:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 281... Quyển số... 1... SCT/BS

Ngày... 13-05-2020... tháng... năm 20...

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG

Sản xuất và cung cấp thực phẩm dinh dưỡng và đồ uống.



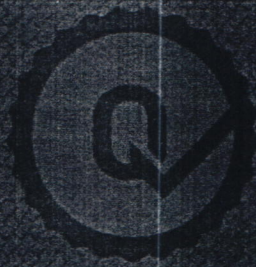
Giấy chứng nhận này có giá trị từ 24/03/2020 đến 24/03/2023
Ngày chứng nhận ban đầu: 04/04/2017

Gerry Bonner, CPEng, BEng, FIE Aust, Chairman – QMSCS Pty Ltd
To verify the validity of this certificate please visit www.jas-anz.org/register

Nguyễn Minh Tuấn



Certification Services



GIẤY CHỨNG NHẬN

Mã số: 017-04005-Q

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của

NHÀ MÁY THỰC PHẨM CAO CẤP SANEST FOODS

địa chỉ

Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

đã được đánh giá bởi các đánh giá viên của QMS Certification Services và chứng nhận phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

Hệ thống quản lý chất lượng

áp dụng cho các lĩnh vực hoạt động:

Sản xuất và cung cấp thực phẩm dinh dưỡng và đồ uống.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... 282..... Quyền số..... SCT/BS

Ngày..... 13-05-2020..... tháng..... năm 20.....

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG



Giấy chứng nhận này có giá trị từ 24/03/2020 đến 24/03/2023

Ngày chứng nhận ban đầu: 04/04/2017

Nguyễn Minh Tuấn

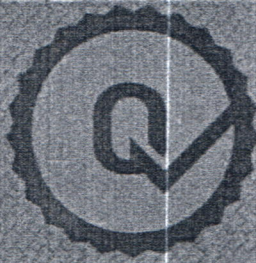
Gerry Bonner, CPEng, BEng, FIE Aust, Chairman – QMSCS Pty Ltd
To verify the validity of this certificate please visit www.jas-anz.org/register



Accreditation Number
S1410994MA



Certification
Services



GIẤY CHỨNG NHẬN

Mã số: 017-04005-E

Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường

NHÀ MÁY THỰC PHẨM CAO CẤP SANEST FOODS

địa chỉ

Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

đã được đánh giá bởi các đánh giá viên của QMS Certification Services và chứng nhận phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 14001:2015 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Hệ thống quản lý môi trường

Số chứng thực.....280..... Quyển số..... SCT/BS

Ngày.....13-05-2020..... tháng..... năm 20.....

áp dụng cho các lĩnh vực hoạt động: **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP TP. NHA TRANG**

Sản xuất và cung cấp thực phẩm dinh dưỡng và đồ uống.



Giấy chứng nhận này có giá trị từ 24/03/2020 đến 24/03/2023
Ngày chứng nhận ban đầu: 04/04/2017

[Signature]

Gerry Bonner, CPEng, BEng, FIE Aust, Chairman – QMSCS Pty Ltd
To verify the validity of this certificate please visit www.jas-anz.org/register

Nguyễn Minh Tuấn



